

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HS-ST
Ngày: 30-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;
2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị U (Châu Thị Thu H, Nguyễn Thị T, Châu Thị L, U, P, M), sinh năm 1972, tại: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quê quán: không xác định; nơi thường trú: không xác định; những nơi đã cư trú: nhà trọ số 20 thuộc khóm C, phường B, thành phố E, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: chưa rõ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: chưa rõ; họ tên cha: Châu Minh D, sinh năm 1954; họ tên mẹ: Phan Thị S, sinh năm 1955; có 01 con sinh năm 2000; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 10/7/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên kết án 01 năm 6 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; ngày 30/8/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang kết án 06 năm tù về tội “Cướp tài sản” và Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong các bản án, chưa xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 28/8/1995, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai kết án 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/02/2020 đến ngày 24/02/2020 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Ông Lê Văn L, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ 9, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Thị C, sinh năm 1970; địa chỉ: tổ 18, khóm X, thị trấn T, huyện B, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Trường Nhựt T, sinh năm 1974; vắng mặt.
- Lâm N, sinh năm 1992; vắng mặt.
- Trọng H, sinh năm 1986; vắng mặt.
- Lê Thị Trường A, sinh năm 1983; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 17/02/2020, sau khi bị cáo uống rượu cùng Lê Văn L, vợ chồng ông Trường Nhựt T tại nhà trọ của ông T, ông L điều khiển xe mô tô biển số 67H1-305.13 chở bị cáo đến quán lẩu trâu Sáu L thuộc khóm Châu Long 4, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tiếp tục uống rượu với Lâm N, Đỗ Trọng H và Bé H (chưa xác định được họ tên, địa chỉ). Một lúc sau, L đi vệ sinh, thấy L bỏ điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6 trên bàn, trên xe mô tô của L thì có gắn sẵn chìa khóa nên bị cáo đã lấy trộm điện thoại và xe.

Sau đó, bị cáo điều khiển xe đến nhà bà Phan Thị Chi, thuộc tổ 18, khóm Xuân Hòa, huyện Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, nhờ C chở bị cáo đến tiệm cầm đồ trên đất Campuchia, cầm xe với giá 13.000.000 đồng. Nhận được tiền, bị cáo trả nợ cho Chi 4.000.000 đồng, số tiền còn lại dùng để đánh bạc thua hết. Khi nhờ C chở đến tiệm cầm đồ, bị cáo không nói cho Chi biết xe mô tô là tài sản bị cáo lấy trộm mà có.

Ngày 19/02/2020, bị cáo đầu thú và giao nộp lại điện thoại đã lấy trộm của L. Riêng xe mô tô biển số 67H1-305.13 cơ quan điều tra không thu hồi được.

Trong quá trình điều tra, bị hại L yêu cầu được nhận lại điện thoại di động và ốp lưng điện thoại, yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô đã lấy trộm.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A6, màu xanh dương; 01 ốp lưng điện thoại, nhựa đen.

Căn cứ Kết luận số 56/KL-ĐG ngày 24/02/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc ghi nhận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6 trị giá 2.000.000 đồng, kèm ốp lưng nhựa trị giá 5.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 67H1-305.13 trị giá 10.000.000 đồng.

Ngày 24/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Cáo trạng số 50/CT-VKSCĐ ngày 02/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Nguyễn Thị U về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng này thay thế Cáo trạng số 37/CT-VKSCĐ ngày 15/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo thống nhất theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, bị cáo xin lỗi bị hại và trong lời nói sau cùng bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với con.

Bị hại L giữ yêu cầu nhận lại điện thoại và ốp lưng, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được kiểm chứng tại phiên tòa nên có cơ sở xác định bị cáo đã có hành vi lợi dụng việc bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động, 01 xe mô tô của bị hại với mục đích để có tiền đánh bạc, tổng giá trị tài sản là 12.005.000 đồng. Bị cáo có 02 tiền án (tiền án thứ 02 thuộc trường hợp tái phạm), chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay xác định bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đến Công an đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp điện thoại di động đã lấy trộm của bị hại. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*”, và “*Đầu thú*”, quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ut từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo..

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Lê Văn L 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A6, kèm ốp lưng nhựa đã thu giữ trong vụ án;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê Văn L, số tiền 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung,

[3] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập, đã được thẩm tra tại phiên tòa như: biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú cùng ngày 19/02/2020 biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 14/4/2020; kết luận định giá tài sản, có căn cứ xác định:

Vào khoảng 18 giờ ngày 17/02/2020, tại quán lẩu trâu Sáu L thuộc khóm Châu Long 4, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, lợi dụng bị hại L sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút lấy trộm điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6, kèm ốp lưng và xe mô tô biển số 67H1-305.13 với tổng giá trị được xác định là 12.005.000 đồng theo Kết luận số 56/KL-ĐG ngày 24/02/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc.

Tài sản bị cáo trộm thuộc quyền sở hữu của ông L, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức

rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích có tiền đánh bạc.

Bản thân bị cáo có 02 tiền sự: Ngày 10/7/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên kết án 01 năm 6 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; ngày 30/8/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang kết án 06 năm tù về tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản” (thuộc trường hợp “Tái phạm”). Đã chấp hành xong các bản án, chưa xóa án tích. Nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”.

Do đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Nên Quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đối với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả từ việc tự nguyện giao nộp lại điện thoại di động đã lấy trộm; đầu thú; thuộc thành phần lao động, học lực thấp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội với mục đích có tiền đánh bạc. Bị cáo liên tục phạm tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản trong thời gian dài, lần phạm tội này của bị cáo được quy định là tái phạm nguy hiểm. Điều đó chứng tỏ bị cáo chưa biết ăn năn hối cải, chưa thật sự cố gắng lao động để trở thành người có ích cho xã hội. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6, màu xanh dương, số seri: R58K80K7ZCM số Imei (khe 1): 357931092819189, số Imei (khe 2): 357932092819187, đã qua sử dụng; 01 (một) ốp lưng điện thoại di động, bằng nhựa, màu đen, đã qua sử dụng; là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị hại. Xét, giao trả cho bị hại.

[8] Vấn đề khác: Khi bị cáo nhờ bà C cầm xe, bị cáo không nói và bà C cũng không biết xe là tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm

của bà C. Tuy nhiên, cần giáo dục bà C tại phiên tòa về việc giúp người khác tiêu thụ tài sản mà không xác định rõ nguồn gốc, đặc biệt là đối với loại tài sản bắt buộc đăng ký quyền sở hữu như xe mô tô, gắn máy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị U phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị U: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giữ 19/02/2020 (*mười chín, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Giao trả cho ông Lê Văn L 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6, màu xanh dương, số seri: R58K80K7ZCM số Imei (khe 1): 357931092819189, số Imei (khe 2): 357932092819187, đã qua sử dụng; 01 (một) ốp lưng điện thoại di động, bằng nhựa, màu đen, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an nhân dân thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị U phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga